TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày 16-9-2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Th1 Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Bạc Thị Kiên.

Bà: Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST- DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Dương Quyết Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Địa chỉ: số 169, Phố L, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết Th1 - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Điện Biên, có mặt.
Địa chỉ: Bản P, xã Th, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

2. Các bị đơn:
- Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Ông Cà Văn B (B1), sinh năm 1958;
Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Ông Quàng Văn Th, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lò Thị B2 (Cà Thị B2), sinh năm 1959.
Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Ông Ngô Văn A, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Lò Thị Ph, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Đội 13, xã Th1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Bà Vũ Thị B, sinh năm: 1979.
Nơi công tác: Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- Ông Lò Xuân Ch, sinh năm: 1984.
Nơi công tác: Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- Bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm: 1980.
Nơi công tác: Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019 và những lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ông Nguyễn Viết Th1 (Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày:

Yêu cầu 04 hộ gia đình phải hoàn trả tiền vay và lãi phát sinh cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết do người vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong sổ vay vốn cụ thể như sau:

1. Ông Trần Văn Kh: Khế ước vay vốn số *6000006300068265* ngày 16/07/2012 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên với ông Trần Văn Kh, ngày 24/07/2012 ông Trần Văn Kh có nhận tiền vay chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn:

- Số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn)
- Lãi suất 0,9%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay (1,17%)
- Thời gian cho vay: 60 tháng
- Ngày đến hạn theo hợp đồng 24/07/2017

Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 06/08/2017

Số ngày quá hạn là: 570 ngày

Trong đó: - Gốc là: 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng chẵn)*

- Lãi tồn tạm tính: 10.589.983đ(Mười triệu năm trăm tám mươi chín ngàn chín trăm tám mươi ba đồng).

Tổng nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 14/02/2019 là: **35.589.983đ** *(Ba mươi năm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn chín trăm tám mươi ba đồng).*

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử Phòng giao dịch ngân hàng chính sách đã bổ sung chứng cứ bảng kê tính lãi tính đến 16/9/2019 và trình bày tại phiên tòa cụ thể như sau:

- Gốc là: 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng chẵn)*.
- Tổng số lãi phải trả: 21.179.829đồng.
- Số lãi đã trả: 8.943.000 đồng.
- Số lãi còn phải trả: 12.236.829 đồng.

Trong đó: Lãi trong hạn: 4.792.500 đồng. (Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/8/2017)

Lãi quá hạn: 7.444.329 đồng (Từ ngày 05/8/2017 đến 16/9/2019).

*** Tổng nợ gốc và lãi phải trả tính đến ngày 16/9/2019: 37.236.829 đồng (Ba mươi bẩy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai chín đồng).**

2. Bà Bùi Thị H: Theo khế ước vay vốn số 6000006300068722 ngày 17/03/2013 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên với bà Bùi Thị H, ngày 18/3/2013 bà Bùi Thị H có nhận tiền vay chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn.

- Số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn)
- Lãi suất 0,9%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay (1,17%)
- Thời gian cho vay: 60 tháng
- Ngày đến hạn theo hợp đồng 05/03/2018

Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 06/03/2018.

Số ngày quá hạn là: 345 ngày

Trong đó: - Gốc là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn)*

- Lãi tồn tạm tính: 12.138.898đ (Mười hai triệu một trăm ba mươi tám ngàn tám trăm chím mươi tám đồng)

Tổng nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 14/02/2019 là: **42.138.898** đ (Bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi tám nghìn tám trăm chín mươi tám đồng).

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử Phòng giao dịch ngân hàng chính sách đã bổ sung chứng cứ bảng kê tính lãi tính đến 16/9/2019 và trình bày tại phiên tòa cụ thể như sau:

- Gốc là: 30.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng chẵn)*.
- Tổng số lãi phải trả: 22.365.425đồng.
- Số lãi đã trả: 8.334.000 đồng.
- Số lãi còn phải trả: 14.031.425 đồng.

Trong đó: Lãi trong hạn: 1.107.000 đồng. (Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/4/2018)

Lãi quá hạn: 12.924.425 đồng (Từ ngày 05/4/2018 đến ngày 16/9/2019).

*** Tổng gốc và lãi phải trả tính đến ngày 16/9/2019: 44.031.425 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi năm đồng.**

3. Ông Cà Văn B (B1): Theo khế ước vay vốn số 6000006300068657 ngày 16/07/2012 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên với ông Cà Văn B, ngày 24/07/2012 ông Cà Văn B có nhận tiền vay chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn.

- Số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn)
- Lãi suất 0,9%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay (1,17%)
- Thời gian cho vay: 60 tháng
- Ngày đến hạn theo hợp đồng 24/07/2017

Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 06/8/2017.

Số ngày quá hạn là: 570 ngày

Trong đó: - Gốc là: **30.000.000đ** (*Ba mươi triệu đồng chẵn)*

- Lãi tồn tạm tính: 12.707.968đ (Mười hai triệu bẩy trăm lẻ bẩy ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng*).*

Tổng nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 14/02/2019 là: **42.707.968đ** (Bốn mươi hai triệu bẩy trăm lẻ bẩy ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng)

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử Phòng giao dịch ngân hàng chính sách đã bổ sung chứng cứ bảng kê tính lãi tính đến 16/9/2019 và trình bày tại phiên tòa cụ thể như sau:

- Gốc là: 30.000.000đ (*Ba mươi năm triệu đồng chẵn)*.
- Tổng số lãi phải trả: 25.124.197đồng.
- Số lãi đã trả: 10.440.000 đồng.
- Số lãi còn phải trả: 14.684.197 đồng.

Trong đó: Lãi trong hạn: 5.751.000 đồng. (Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/8/2017)

Lãi quá hạn: 8.933.197 đồng (Từ ngày 05/8/2017 đến ngày 16/9/2019).

*** Tổng gốc và lãi phải trả tính đến ngày 16/9/2019: 44.684.197 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn một trăm chín bảy đồng.**

4. Ông Quàng Văn Th: Theo khế ước vay vốn số 6600000700553667 ngày 04/03/2017 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên với ông Quàng Văn Th, ngày 05/03/2014 ông Quàng Văn Th có nhận tiền vay chương trình cho vay hộ cận nghèo.

- Số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn)
- Lãi suất 0,78%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay (0,988%).
- Thời gian cho vay: 60 tháng
- Ngày đến hạn theo hợp đồng 05/02/2019.

Trong đó: - Gốc là: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng chẵn)*

- Lãi tồn tạm tính: 2.434.427đ **(***Hai triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi bẩy đồng).*

Tổng nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 14/02/2019 là**: 22.434.427đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi bẩy đồng)**

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử Phòng giao dịch ngân hàng chính sách đã bổ sung chứng cứ bảng kê tính lãi tính đến 16/9/2019 và trình bày tại phiên tòa cụ thể như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Quàng Văn Th đã trả được tiền nợ gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng chẵn). Do vậy, nợ gốc còn lại là:

- 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn).
- Tổng số lãi phải trả: 13.862.911 đồng.
- Số lãi đã trả: 11.248.807 đồng.
- Số lãi còn phải trả: 2.614.104 đồng.

Trong đó: Lãi trong hạn: 2.131.829 đồng. (Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/02/2019)

Lãi quá hạn: 482.275 đồng (Từ ngày 05/02/2019 đến ngày 16/9/2019).

*** Tổng gốc và lãi phải trả tính đến ngày 16/9/2019: 8.614.104 đồng (Tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn một trăm linh bốn đồng).**

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên yêu cầu những khách hàng trên hoàn trả lãi phát sinh và gốc tiền vay cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 09/TB - TLVA ngày 12/2/2019 gửi cho các bị đơn. Các bị đơn đều công nhận đã vay và được giải ngân số tiền trên theo đúng đối tượng như đơn trình bày của ông Nguyễn Viết Th1.

Bị đơn ông Trần Văn Kh trình bày:

Ông có vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Điện Biên vào ngày 14/7/2012. Tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng, lãi suất 0,9%. Ông đã trả trực tiếp cho ông trưởng bản là ông Lò Văn P1 – Trưởng Thôn của cơ sở Đội 13.

Lần 1: Ngày 6/5/2013 ông Kh trả 15.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 29/12/2013 ông Kh trả 10.000.000 đồng.

Làn 3: Không nhớ ngày trả, ông Kh trả 5.000.000 đồng.

Cả 3 lần ông Kh trả cho ông P1 cả gốc và lãi đều được ký vào sổ của ông P1, còn tiền lãi nộp thì ông P1 không ghi biên lai thu gì. Ông đã trả hết không còn nợ nần gì Ngân hàng. Hiện nay ông P1 đã chết, ông kiến nghị xem xét trách nhiệm của Ngân hàng tại sao đến hạn trả nợ mà Ngân hàng không đến nhà ông kiểm tra đốc thúc đòi nợ, không đi sâu sát với cơ sở để đòi nợ, nên ông Lò Văn P1 đã lợi dụng cơ sở Đội 13 để chiếm đoạt số tiền của hơn 16 hộ dân tổng số tiền hơn 200.000.000 đồng. Nay ông đã trả hết cả gốc và lãi nên ông không trả nữa.

Tại phiên hòa giải ông Kh khai: Ông trả hết số tiền trên làm 03 lần:

- Lần thứ nhất: Ông trả 15.000.000 đồng, không nhớ ngày, tháng trả chỉ nhớ vào năm 2012, ông trả cho ông P1.
- Lần thứ hai: Ông trả 10.000.000đ, chỉ nhớ khoảng đầu năm 2013, cũng đưa cho ông P1 trả hộ, ông P1 có trả hay không ông không biết.
- Lần thứ ba: Ông trả ngày 05/01/2013 số tiền 5.000.000 đồng, cũng đưa cho ông P1.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện buộc ông phải trả số tiền gốc và lãi ông không đồng ý trả, vì ông đã trả rồi.

Bị đơn ông Quàng Văn Th trình bày: Theo hợp đồng vay vốn ngày 5/3/2014 Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên đã cho ông Th vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,78 %, Vay trong vòng 5 năm, mỗi năm trả 06 triệu, đến hạn ông đã trả 6.000.000 đồng nộp trực tiếp cho ông P1 vào ngày 05/10/2015, ông P1 đến nhà thu, ông P1 đi một mình, khi trả tiền ông P1 có ghi vào sổ của ông P1, nay quyển sổ đó ở đâu ông không biết, ông không có chứng cứ nào chứng minh cho việc ông đã đưa cho ông P1. Đến ngày 7/10/2015 ông P1 chết, tự tử mấy ngày sau bên Ngân hàng thông báo về cho ông Th là số tiền 6.000.000 đồng đến hạn chưa trả. Lẽ ra cán bộ Ngân hàng phụ trách hợp đồng đến định kỳ trả gốc mà không thấy người vay đến nộp tại điểm giao dịch thì phải xuống trực tiếp gặp người vay, thì sự việc sẽ không đến lỗi như ngày hôm nay. Ngân hàng chính sách đòi ông số tiền gốc 6.000.000 đồng và lãi suất quá hạn ông không đồng ý trả vì số tiền này ông đã trả cho ông P1 rồi.

Bị đơn ông Cà Văn B (B1): Gia đình ông có vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội ngày 24/7/2012 số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/ tháng, thời gian vay 60 tháng, đến hạn hợp đồng ngày 24/7/2017, số tiền vay trên gia đình ông đã trả cho ông Đội trưởng làm 03 lần:

- Lần thứ nhất cuối năm 2013: 10.000.000 đồng.
- Lần thứ hai cuối năm 2014: 10.000.000 đồng.
- Lần thứ ba cuối năm 2015: 10.0000.000 đồng.

Gia đình ông đã trả hết cả gốc và lãi cho Ngân hàng thông qua ông P1, ông P1 trực tiếp đến nhà thu và còn nói, nếu trả trước hạn thì càng có uy tín, khi trả không có giấy tờ, chỉ viết vào quyển sổ cá nhân của ông P1 và ông B có ký vào quyển sổ đó, nay quyển sổ đó đâu thì ông không biết, khi trả không có ai chứng kiến chỉ mỗi ông B và ông P1. Vậy mà ông P1 không mang tiền của gia đình ông xuống trả cho Ngân hàng. Đến khi ông P1 chết đi thì Ngân hàng đòi nợ thì gia đình ông mới biết ông P1 không nộp cho Ngân hàng, rõ ràng ông P1 đã lấy tiền của các hộ dân để chi tiêu, do không trả được đã phải tìm đến cái chết để thoát nợ là điều quá rõ ràng. Gia đình ông có được vay tiền của Ngân hàng, thì phải có trách nhiệm trả, nhưng gia đình ông đã trả trước hạn và đã trả hết rồi thì sẽ không trả lần nữa. Ngân hàng chính sách yêu cầu gia đình ông phải trả gốc và lãi theo đơn khởi kiện tổng là 41.323.202 đồng ông không đồng ý trả, vì ông đã trả rồi.

Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày: Về số tiền gốc bà đã trả hết 01 lần thời điểm vào khoảng tháng 01/2014, ông P1 cầm đủ 30.000.000 đồng, khi trả chỉ có ông P1 và bà Hương, ngoài ra không có ai biết và chứng kiến, ông P1 trực tiếp đến nhà thu, bà Hương yêu cầu ông P1 trả quyển sổ màu xanh nhưng ông P1 nói rằng bên Ngân hàng giữ quyển sổ đó, không được lấy lại, còn để lần sau cần thì vay tiếp. Do vậy Ngân hàng chính sách yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hương phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tồn tạm tính là 10.754.132 đồng. Tổng nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/10/2018 là 40.754/132 đồng, bà Hương không đồng ý trả số tiền trên, vì bà đã trả hết rồi.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày trong các bản tự khai và các lời khai trong các phiên hòa giải như sau:

- Ý kiến của bà Nguyễn Thị P: Bà là vợ của ông Trần Văn Kh, đúng là ngày 24/7/2012 gia đình bà có vay của Ngân hàng chính sách huyện Điện Biên số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 0,9%, thời điểm vay ông Lò Văn P1 là trưởng bản cũng là tổ trưởng tổ vay vốn của Đội 13, đến ngày thu lãi và gốc gia đình bà đã trả đợt 1: 15.000.000 đồng, đợt 2: 10.000.000 đồng; đợt 3: 5.000.000 đồng. Tổng 30.000.000 đồng gia đình bà đã đưa cho ông P1 là trưởng bản để trả Ngân hàng, gia đình bà đã trả hết Ngân hàng rồi, nên không trả nữa.

- Ý kiến của bà Lò Thị Ph: Bà là vợ của ông Quàng Văn Th, đúng là gia đình bà có vay của Ngân hàng chính sách số tiền 30.000.000 đồng. Gia đình bà có trả cho Ngân hàng chính sách qua ông P1, ông P1 đến thu vào ngày 5/3/2014 số tiền 6.000.000 đồng. Đến ngày 7/10/2015 thì ông P1 tự tử chết, đến khi Ngân hàng báo về cho gia đình bà tiền gốc vẫn còn nguyên 30.000.000 đồng ông P1 chưa mang nộp cho Ngân hàng, vì tin tưởng ông P1 nên gia đình bà chỉ nộp lãi và gốc cho tổ trưởng tổ vay vốn là ông P1, kính mong các cấp có thẩm quyền điều tra, xem xét trả lại công bằng cho gia đình bà.

- Ý kiến của bà Lò Thị B: Bà là vợ của ông Cà Văn Bỉnh (B). Ngày 24/7/2012 gia đình bà có vay của Ngân hàng chính sách số tiền 30.000.000 đồng để sản xuất, kinh doanh, trước đây ông P1 là trưởng thôn vừa kiêm tổ trưởng tổ vay vốn của đội, nên gia đình đã trả cho ông P1 để đi Ngân hàng nộp vào cuối năm 2013 gia đình đã trả 10.000.000 đồng, cuối năm 2014 gia đình trả hết cả gốc và lãi cho Ngân hàng thông qua ông P1. Vậy mà ông P1 không mang tiền của gia đình đã trả để trả cho Ngân hàng. Đến khi ông P1 chết thì Ngân hàng mới đến báo cho gia đình biết số tiền còn nguyên chưa được ông P1 đến nộp cho Ngân hàng, gia đình bà đã trả hết cho Ngân hàng rồi, thì sẽ không trả lần nữa.

- Ý kiến của ông Ngô Văn A: Ông là chồng của bà Bùi Thị H, vào ngày 05/10/2018 gia đình ông có nhận được thông báo thu hồi nợ số 98/TB-PGĐ ngày 04/10/2018 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên, yêu cầu gia đình ông phải trả cho Ngân hàng số tiền vay 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 600000630006872 ngày 18/3/2013, ngày đến hạn trả: 05/3/2018, số tiền lãi đến nay là 10.050.210 đồng, gia đình ông không nhất trí trả vì lý do số tiền 30.000.000 đồng đã trả hết cho Ngân hàng thông qua ông Lò Văn P1 là trưởng bản, kiêm tổ trưởng tổ vay vốn của Đội 13, gia đình đã trả đầy đủ cả gốc và lãi vào tháng 2/2014, khi trả có ký vào sổ ghi chép của ông P1, khi trả gốc và lãi gia đình có yêu cầu ông P1 trả sổ vay vốn của gia đình, tuy nhiên ông P1 nói rằng sổ này do Ngân hàng giữ nên không trả lại cho các hộ gia đình, sau khi ông P1 uống thuốc cỏ tự tử chết, thì mới phát hiện ra ông P1 đã không mang tiền của các hộ gia đình vay vốn đi trả cho Ngân hàng mà giữ lại chi tiêu cá nhân, đánh lô đề nên không có khả năng Th1 toán cho Ngân hàng, trong đó có số tiền gốc và lãi của gia đình ông. Gia đình ông đã trả cho Ngân hàng rồi, nên không trả nữa.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Viết Th1 trình bày tại phiên tòa và bổ sung vào yêu cầu khởi kiện như sau:

Theo quy định của Ngân hàng và theo hợp đồng ủy nhiệm giữa Ngân hàng và tổ tiết kiệm vay vốn (Với ông Lò Văn P1 là tổ trưởng) thì ông P1 chỉ được thu tiền lãi hàng tháng và tiền gửi tiết kiệm (nếu có), còn tiền gốc cá nhân vay vốn phải nộp trực tiếp tại các điểm giao dịch của Ngân hàng hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng. Còn việc các bị đơn cho rằng đã nộp hết gốc cho ông Lò Văn P1 thì phải chịu trách nhiệm đối với việc nộp không đúng của mình, bởi Ngân hàng không ủy thác cho tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn thu tiền gốc của các bị đơn. Chúng tôi đã nộp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và đúng pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét buộc các bị đơn phải trả gốc và lãi theo khế ước đã ký. Lý do chúng tôi tính tiền lãi trong hạn đối với 04 bị đơn từ ngày 05/11/2015 là do từ thời điểm đó ông P1 chết thì các hộ dân không đóng lãi cho ngân hàng, các bị đơn cho rằng họ đã trả gốc trước đó cho Ngân hàng rồi nên giờ họ không nộp lãi và bất cứ khoản tiền gì khác cho Ngân

hàng nữa. Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu sau khi tuyên án và bản án có hiệu lực pháp luật mà các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng cho đến ngày tuyên án thì lãi tiền vay được tính theo quy định trong hồ sơ vay vốn lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Khoản tiền lãi trên được tính cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với nợ gốc và lãi tiền vay.

-Ý kiến ông Lò Xuân Ch: Từ tháng 01/2013 ông được Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên, phân công theo dõi địa bàn xã theo QĐ số 15/PGĐ-ĐB ngày 15/01/2013 phụ trách địa bàn xã Th1. Ngày 04/3/2014 ông trực tiếp làm hồ sơ vay vốn cho khách hàng hộ gia đình ông Quàng Văn Th, Đội 13, xã Th1 cho vay theo chương trình hộ cận nghèo. Quy trình thủ tục cho vay đúng theo qui định, cho vay với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,78% (thực hiện theo QĐ số 1826/QĐ-TTG ngày 09/10/2013 của Thủ tướng chính phủ), lãi suất quá hạn bằng 130% lãu suất khi cho vay. Thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần/6.000.000 đồng. Ngày 05/3/2014 ông Th ra UBND xã Th1 nhận trực tiếp số tiền vay. Trong quá trình vay vốn hộ vay xác nhận sử dụng vốn đúng mục đích, cụ thể vào ngày 25/5/2018 hộ vay vốn ký vào phiếu kiểm trả sử dụng vốn vay do ông Tạ Đình Tài là Bí thư đoàn Th1 niên xã Th1 kiểm tra đang còn lưu tại hồ sơ pháp lý của PGĐ ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên. Về phân kỳ trả nợ 12 tháng/ lần khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn nợ theo mục 7 văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007, vì vậy khi khách hàng đến hạn kỳ con hàng năm không trả được máy tính của Ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh sang kỳ tiếp theo cho đến kỳ cuối cùng nên việc không trả các kỳ con là không ảnh hưởng đến tính chất của món vay. Việc ông Th khai đã trả tiền cho ông P1 (tổ trưởng) là không có căn cứ, không có giấy tờ chứng minh và Ngân hàng không ủy nhiệm cho ông P1 thu gốc của khách hàng mà chỉ ủy nhiệm thu tiền lãi hàng tháng và tiền gửi tiết kiệm (nếu có) cho Ngân hàng.

- Ý kiến của bà Vũ Thị B: Bà được lãnh đạo phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên phân công nhiệm vụ, ngày 17/3/2013 bà đã thực hiện kiểm tra, làm hồ sơ cho vay đối với khách hàng Bùi Thị H, theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Quy trình thủ tục cho vay đã làm đúng quy định, nhận hồ sơ vay vốn kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của hồ sơ duyệt số tiền vay vốn theo nhu cầu của khách hàng là 30.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/ tháng (theo QĐ 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007), lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần/6.000.000. Ngày 18/3/2013 bà Hương được thông báo ra Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên nhận số tiền vay. Trong quá trình vay vốn hộ đã xác nhận sử dụng vốn vay đúng mục đích. Về phân kỳ trả nợ 12 tháng/ lần khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn nợ theo mục 7 văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007, vì vậy khi khách hàng đến hạn kỳ con hàng năm không trả được máy tính của ngân

hàng sẽ tự động điều chỉnh sang kỳ tiếp theo cho đến kỳ cuối cùng nên việc không trả các kỳ con là không ảnh hưởng tới tính chất của món vay. Việc khách hàng Bùi Thị H khai đã trả tiền cho ông Lò Văn P1 (tổ trưởng) là không có căn cứ, không có giấy tờ chứng minh và Ngân hàng không ủy nhiệm cho ông P1 thu gốc của khách hàng mà chỉ ủy nhiệm thu tiền lãi hàng tháng và tiền gửi tiết kiệm (nếu có).

- Ý kiến của bà Nguyễn Thị Ch1: Theo phân công nhiệm vụ công tác cho cán bộ tổ kế hoạch nghiệp vụ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên. Ngày 01/08/2011 của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên, bà được nhận phụ trách địa bàn xã Th1. Ngày 16/7/2012 bà Châu có làm hồ sơ cho vay vốn đối với 02 khách hàng Cà Văn B (B1) và Trần Văn Kh theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Quy trình thủ tục cho vay đúng theo quy định, nhận hồ sơ vay vốn kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của hồ sơ duyệt số tiền vay vốn theo nhu cầu của khách hàng là 30.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/ tháng (theo QĐ 31/2007/QĐ-TTG ngày 5/3/2007 của Thủ tướng chính phủ), lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần/ 6.000.000 đồng. Ngày 24/7/2012 ông B và ông Kh được thông báo ra Ngân hàng nhận tiền. Trong quá trình vay vốn cả hai hộ vay xác nhận sử dụng vay vốn đúng mục đích. Về phân kỳ trả nợ 12/lần khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn nợ theo mục 7 văn bản số 675/HNCS-TD ngày 22/4/2007, vì vậy khi khách hàng đến hạn kỳ con hàng năm không trả được máy tính của ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh sang kỳ tiếp theo cho đến kỳ cuối cùng nên việc không trả các kỳ con là không ảnh hưởng tới tính chất của món vay. Việc khách hàng Cà Văn B, Trần Văn Kh khai đã trả tiền cho ông Lò Văn P1 (tổ trưởng) là không có căn cứ, không có giấy tờ chứng minh và Ngân hàng không ủy nhiệm cho ông P1 thu gốc của khách hàng mà chỉ ủy nhiệm thu tiền lãi hàng tháng và tiền gửi tiết kiệm (nếu có).

Tại các buổi Tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải tại phiên tòa các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật:**

Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 471, 473, 474, 476 BLDS năm 2005; khoản 2 Điều 91; Điều 94; khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, xét việc Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả nợ gốc và lãi là có căn cứ; việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi đối với các bị đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn đối với khoản tiền vay mà các bị đơn chưa trả cụ thể:

+ Ông Trần Văn Kh phải trả: Tổng gốc và lãi phải trả (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 16/9/2019: 37.236.829 đồng.
+ Bà Bùi Thị H phải trả: Tổng gốc và lãi phải trả (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 16/9/2019: 44.031.425 đồng.
+ Ông Cà Văn B (B1) phải trả: Tổng gốc và lãi phải trả (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 16/9/2019: 44.684.197 đồng.
+ Ông Quàng Văn Th phải trả: Tổng gốc và lãi phải trả (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 16/9/2019: 8.614.104 đồng.
Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội sau khi tuyên án và bản án có hiệu lực pháp luật mà các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng cho đến ngày tuyên án thì lãi tiền vay được tính theo quy định trong hồ sơ vay vốn lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Khoản tiền lãi trên được tính cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với nợ gốc và lãi tiền vay.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147/ BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn dân sự không phải chịu án phí DSST, các bị đơn phải chịu án phí DSST cụ thể như sau:

- Ông Trần Văn Kh phải chịu án phí DSST là: 37.236.829 đồng x 5% = 1.861.841 đồng

- Bà Bùi Thị H phải chịu án phí DSST: 44.031.425 đồng x 5% = 2.201.571 đồng.

- Ông Cà Văn B (B1) phải chịu án phí DSST: 44.684.197 đồng x 5% = 2.234.209 đồng.

- Ông Quàng Văn Th phải chịu án phí DSST: 8.614.104 đồng x 5% = 430.705 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các bị đơn: Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, do ông Nguyễn Viết Th1 là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và các tài liệu chứng cứ kèm theo, địa chỉ của các

bị đơn nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản - Hợp đồng tín dụng giữa một bên là Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội với người vay theo đối tượng quy định tại nghị định số 78/2002/NĐ- CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác nên Tòa án sẽ căn cứ vào các quy định Bộ Luật dân sự 2005, Bộ Luật Dân sự 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[3]. Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 30/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng Nguyên đơn vắng mặt có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày 16/9/2019 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 30/8/2019.

[4]. Về tính pháp lý của hợp đồng tín dụng: Việc ký kết khế ước vay vốn giữa Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên với các bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Hợp đồng đảm bảo về hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức. Đã căn cứ danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn và được B xét cho vay vốn theo chương trình sản xuất kinh doanh và hộ nghèo của Tổ tiết kiệm và vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện Điện Biên và phê duyệt của ngân hàng. Các bị đơn đã được vay vốn và được giải ngân theo đúng đối tượng, mức lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa 04 bị đơn với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên là hợp pháp và đúng theo quy định tại các Điều 471, 473, 476 BLDS năm 2005.

[5]. Xét về nội dung tranh chấp, HĐXX xét các yêu cầu của Nguyên đơn đối với các bị đơn:

{5.1} Đối với ông Trần Văn Kh: Ông Th1 yêu cầu trả số tiền gốc và lãi theo khế ước đến ngày 16/9/2019 là:

- Số tiền gốc phải trả:		**25.000.000đ**	
- Số lãi còn phải trả:		**12.236.829đ**	
Trong đó:	Lãi trong hạn	4.792.500đ	Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/8/2017
	Lãi quá hạn	7.444.329đ	Từ ngày 05/8/2017 đến nay (16/9/2019)

Tổng số tiền gốc và lãi phải trả đến ngày 16/9/2019: **25.000.000đ + 12.236.829 = 37.236.829** *(Ba mươi bẩy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi chín đồng)*

{6.2} Đối với bà Bùi Thị H: Ông Th1 yêu cầu trả số tiền gốc và lãi theo khế ước đến ngày 16/9/2019 là:

- Số tiền gốc phải trả: 30.000.000đ

- Số lãi còn phải trả:		**14.031.425đ**	
Trong đó:	Lãi trong hạn	1.107.000đ	Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/4/2018
	Lãi quá hạn	12.924.425đ	Từ ngày 05/4/2018 đến nay (16/9/2019)

- Tổng số tiền gốc và lãi phải trả đến ngày 16/9/2019: **30.000.000đ + 14.031.425 đ = 44.031.425** *(Bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi năm đồng)*.

{6.3} Đối với ông Cà Văn B (B1): Ông Th1 yêu cầu trả số tiền gốc và lãi theo khế ước đến ngày 16/9/2019 là:

- Số tiền gốc phải trả:		**30.000.000đ**	
- Số lãi còn phải trả:		**14.684.197đ**	
Trong đó:	Lãi trong hạn	5.751.000đ	Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/8/2017
	Lãi quá hạn	8.933.197đ	Từ ngày 05/8/2017 đến nay (16/9/2019)

- Tổng số tiền gốc và lãi phải trả đến ngày 16/9/2019: **30.000.000đ + 14.684.197 = 44.684.197** *(Bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn triệu một trăm chín bẩy đồng)* .

{6.4} Đối với ông Quàng Văn Th: Ông Th1 yêu cầu trả số tiền gốc và lãi theo khế ước đến ngày 16/9/2019 là:

- Số tiền gốc phải trả:		**6.000.000đ**	
- Số lãi còn phải trả:		**2.614.104đ**	
Trong đó:	Lãi trong hạn	2.131.829đ	Từ ngày 05/11/2015 đến ngày 04/02/2019
	Lãi quá hạn	482.275đ	Từ ngày 05/02/2019 đến nay (16/9/2019)

- Tổng số tiền gốc và lãi phải trả đến ngày 16/9/2019: **6.000.000đ + 2.614.104đ = 8.614.104đ** *(Tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn một trăm linh tư đồng)*

- Về việc yêu cầu đòi các bị đơn số tiền gốc HĐXX xét thấy:

Bị đơn ông Trần Văn Kh công nhận có vay số tiền 30.000.000 đồng, nhận trực tiếp tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên theo khế ước vay vốn số 600000630008265 ngày 16/7/2012. Ông Kh đã trả làm 03 lần cụ thể: Lần thứ 1: Trả nợ gốc 15.000.000 đồng vào năm 2012; Lần thứ 2: Trả nợ gốc 10.000.000 đồng khoảng đầu năm 2013; Lần thứ 3: Ngày 05/01/2013 trả gốc 5.000.000 đồng. Tất cả 03 lần trên đều đưa cho ông Lò Văn P1 trả, ông P1 chỉ ghi vào sổ theo dõi của ông P1, nhưng ông không có biên lai hay phiếu thu gì xuất trình cho Tòa án chứng minh rằng đã nộp cho ông P1.

Bị đơn bà Bùi Thị H công nhận có vay số tiền 30.000.000 đồng nhận trực tiếp tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên theo khế ước vay vốn số 6000006300068722 ngày 17/3/2013. Bà Hương đã trả hết 01 lần vào thời

điểm tháng 01/2014, đã đưa trực tiếp cho ông P1, ông P1 chỉ ghi vào sổ theo dõi của ông P1, nhưng bà Hương không có biên lai hay phiếu thu gì xuất trình cho Tòa án chứng minh rằng đã nộp cho ông Lò Văn P1.

Bị đơn ông Cà Văn B công nhận có vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, ông đã trả làm 03 lần, lần thứ nhất: trả 10.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng năm; lần thứ 2: Trả 10.000.000 đồng, không nhớ ngày trả; Lần thứ 3: Trả 10.000.000 đồng, không nhớ ngày trả; Cả 03 lần đều do ông P1 đến thu, khi trả không có giấy tờ hay phiếu thu, ông P1 chỉ viết vào quyển sổ cá nhân, ông B không xuất trình được cho Tòa án biên lai, phiếu thu hay giấy tờ gì để chứng minh rằng đã nộp cho ông P1.

Bị đơn ông Quàng Văn Th công nhận có vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng; ông Th đã trả trực tiếp cho Ngân hàng số tiền gốc là 24.000.000đ cho Ngân hàng, còn lại số tiền gốc 6.000.000 đồng ông Th khai đã đưa cho ông P1 vào ngày 05/10/2015, ông P1 đến thu, có ghi vào sổ cá nhân, nhưng không có biên lai hay phiếu thu, do vậy ông Th không xuất trình cho Tòa án biên lai, phiếu thu hay chứng cứ để chứng minh là đã trả tiền gốc cho ông P1.

Cả 04 bị đơn trên đều phản đối yêu cầu trả gốc của nguyên đơn song không có chứng cứ gì bằng văn bản để đủ căn cứ chấp nhận theo khoản 2 điều 91 Bộ Luật TTDS, các bị đơn đều vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng quy định khoản 1 Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005 "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Mặt khác việc 04 bị đơn khai đã nộp cho ông P1 số tiền gốc trên (nếu có) thì cũng không đúng theo quy định của Ngân hàng và hợp đồng ủy nhiệm được ký kết giữa phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên đối với ông Lò Văn P1 là tổ trưởng tổ vay vốn. Các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 471, 473, 474, 476 BLDS năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả số tiền gốc cho Nguyên đơn.

- Về việc yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền lãi, trong đó lãi trong hạn và lãi quá hạn:

Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả lãi suất trong hạn, quá hạn bắt đầu được tính từ ngày 05/11/2015 cho đến nay, là do trước ngày 05/11/2015 các hộ dân vẫn đóng lãi đều cho Ngân hàng nhưng bắt đầu từ ngày 05/11/2015 ông P1 chết, thì các bị đơn dừng việc nộp lãi. Các bị đơn cho rằng trước khi ông P1 chết các bị đơn đã trả nợ toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng rồi do vậy các bị đơn không trả gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Qua chứng từ do đại diện Nguyên đơn cung cấp, thì tại thẻ theo dõi giao dịch tiền vay đã thể hiện quá trình giao dịch nộp tiền, số tiền đã nộp và số tiền lãi chưa nộp.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ yêu cầu đại diện Nguyên đơn xuất trình các biên lai thu tiền lãi, bảng kê thu lãi có chữ ký của khách hàng theo mẫu TD13 kể từ thời điểm các bị đơn nộp lãi hàng tháng, yêu cầu Ngân hàng cung cấp sổ giao nhận biên lai cho tổ trưởng tổ vay vốn hàng tháng, Ngân hàng đã trả lời tại văn bản số 237/PGD ngày 22/9/2017 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên. Quy trình thu lãi thu tiết kiệm được thực hiện theo văn bản số 2934/NHCS – TDNN ngày 03/12/2011 "Về việc sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ phát hành biên lai thu lãi, huy động tiền gửi tiết kiệm của tổ TK & VV và Th1 toán hoa hồng cho tổ TK & VV". Việc thu lãi, thu tiết kiệm do tổ trưởng TK& VV thu và nộp cho Ngân hàng tại thời điểm giao dịch xã theo nội dụng hợp đồng Ủy nhiệm thu lãi đã được ký kết giữa tổ trưởng và Ngân hàng. Theo công văn số 2934/NHCS-TDNN thì Ngân hàng không lưu giữ chứng từ thu lãi có chữ ký của khách hàng "tại điểm ii mục C điểm 2 công văn số 2934". Đối với bảng kê 13/TD là bảng kê thu lãi có chữ ký của khách hàng, thì Ngân hàng không lưu trong hồ sơ. Theo công văn 5319/NHCS-TDNN ngày 09/12/2016 quy định về việc lưu kê 13/TD thì hiệu lực áp dụng của công văn này là từ ngày 01/01/2017, nhưng các khách hàng trên đã không nộp tiền lãi từ tháng 11/2015 nên trong bảng kê không có chữ ký của khách hàng.

Xét thấy việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Căn cứ các nội dung trong khế ước vay vốn mà các bên đã ký kết, căn cứ Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2019. Xét yêu cầu của Ngân hàng chính sách yêu cầu các bị đơn sau khi tuyên án và bản án có hiệu lực pháp luật mà các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng cho đến ngày tuyên án thì tiền vay được tính theo quy định trong hồ sơ vay vốn lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Khoản tiền lãi trên được tính cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với nợ gốc và lãi tiền vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của Nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận.

Đối với cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã thực hiện đúng theo sự phân công của lãnh đạo, đúng với văn bản, quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với tổ trưởng tổ vay vốn là ông Lò Văn P1: Ông Lò Văn P1 được ký kết hợp đồng ủy nhiệm giữa Ngân hàng với ông Lò Văn P1, theo hợp đồng ủy nhiệm ngày 30/8/2011 và 15/6/2012. Khi ông Lò Văn P1 chết không thu giữ được tài liệu gì chứng minh là ông P1 đã đứng ra thu tiền gốc của các hộ vay. Do vậy không có căn cứ để giải quyết đối các hộ dân. Các bị đơn có quyền khởi kiện gia đình ông

Lò Văn P1 trả số tiền mà mình đã nộp cho ông Lò Văn P1 khi có yêu cầu và đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147/ BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn dân sự không phải chịu án phí DSST, các bị đơn phải chịu án phí DSST. Các bị đơn ông Trần Văn Kh, bà Bùi Thị H, ông Cà Văn B (B1), ông Quàng Văn Th mỗi người phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm như sau:

- Ông Trần Văn Kh phải chịu án phí DSST là: 37.236.829 đồng x 5% = 1.861.841 đồng

- Bà Bùi Thị H phải chịu án phí DSST: 44.031.425 đồng x 5% = 2.201.571 đồng.

- Ông Cà Văn B (B1) phải chịu án phí DSST: 44.684.197 đồng x 5% = 2.234.209 đồng.

- Ông Quàng Văn Th phải chịu án phí DSST: 8.614.104 đồng x 5% = 430.705 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 91; Khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 233, Điều 235 và các Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 302; Điều 308; Điều 471; Điều 473; khoản 1 Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 94; khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn phải trả tiền gốc và lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 16/9/2019 như sau:

- Ông Trần Văn Kh phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên số tiền tổng gốc và lãi là:

25.000.000 đồng (gốc) + 12.236.829 đồng (lãi) = 37.236.829 đồng (Ba mươi bẩy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi chín đồng).

- Bà Bùi Thị H phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên số tiền tổng gốc và lãi là:

30.000.000 đồng (gốc) + 14.031.425 đồng (lãi) = 44.031.425 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi năm đồng).

- Ông Cà Văn B (B1) phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên số tiền tổng gốc và lãi là:

30.000.000 đồng (gốc) + 14.684.197 đồng (lãi) = 44.684.197 đồng. (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn một trăm chín bẩy đồng).

- Ông Quàng Văn Th phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên số tiền tổng gốc và lãi là:

6.000.000 đồng (gốc) + 2.614.104 đồng (lãi) = 8.614.104 đồng. (Tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn một trăm linh tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày tuyên án 16/9/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số nợ gốc chưa Th1 toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi Th1 toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí DSST:

Căn cứ Điều 147/ BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn dân sự không phải chịu án phí DSST, các bị đơn phải chịu án phí DSST. Các bị đơn ông Trần Văn Kh, bà Bùi Thị H, ông Cà Văn B (B1), ông Quàng Văn Th mỗi người phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm như sau:

- Ông Trần Văn Kh phải chịu án phí DSST là: 1.861.841 đồng
- Bà Bùi Thị H phải chịu án phí DSST: 2.201.571 đồng.
- Ông Cà Văn B (B1) phải chịu án phí DSST: 2.234.209 đồng.
- Ông Quàng Văn Th phải chịu án phí DSST: 430.705 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn dân sự, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Nguyễn Viết Th1, các bị đơn ông Trần Văn Kh, bà Bùi Thị H, ông Cà Văn B (B1), ông Quàng Văn Th có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/9/2019); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có lý do được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Các đương sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Th1 Thủy